TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÚI THÀNH** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2019/HNGĐ-ST
Ngày 28-8-2019
Về việc: "Xin ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Đình Dũng.**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Tấn Hương.**
Ông **Dương Minh Ngọc**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Mùi** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà **Pham Thị Việt Hà -** Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 45/2019/TLST-HNGĐ ngày 25-3-2019, về: "*Xin ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Ngô Thị L, sinh năm: 1982, trú tại: thôn Xuân Tr, xã Tam Q, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam; Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn S, sinh năm: 1975, trú tại: thôn Trung T, xã Tam Q, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Nguyên đơn bà Ngô Thị L trình bày: Tôi (Ngô Thị L) và ông Nguyễn S tự nguyện tìm hiểu đến với nhau thành vợ chồng cưới nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2005 tại UBND xã Tam Q, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chồng tôi uống rượu, nhiều lần đập phá đồ đạc, chửi tục xúc phạm vợ con, vợ chồng không còn tình cảm. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng đã hết nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: có 01 cháu Nguyễn Thị Như H, sinh ngày: 14/02/2007. Nếu ly hôn tôi yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: không có.

Nợ chung: không có.

Cho mượn nợ: không có.

- Bị đơn ông Nguyễn S trình bày: Tôi (Nguyễn S) và bà Ngô Thị L có đăng ký kết hôn vào năm 2005 tại UBND xã Tam Q, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Vợ chồng sống hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là tôi và bà L tính tình không hợp nhau. Nay tình cảm vợ chồng đã hết bà L xin ly hôn thì tôi đồng ý ly hôn.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: có 01 cháu Nguyễn Thị Như H, sinh ngày: 14/02/2007. Nếu ly hôn tôi thống nhất giao cháu H cho bà L nuôi con, tôi không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: không có.

Nợ chung: không có.

Cho mượn nợ: không có.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà, của nguyên đơn và bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa là đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa bà Ngô Thị L và ông Nguyễn S là hợp pháp. Trong cuộc sống hai bên không hợp nhau nên xảy ra nhiều mâu thuẫn, xích mích và đã ly thân từ năm 2007. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng bà L và ông S đã thật sự trầm trọng, vợ chồng không còn chung sống với nhau nhiều năm nay, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà L được ly hôn với ông S.

Về con chung có 01 cháu Nguyễn Thị Như H, sinh ngày: 14/02/2007 bị khuyết tật nặng và đang sống với bà L, tạo điều kiện cho sự phát triển của cháu H đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu H cho bà L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, ông S không cấp dưỡng nuôi con do bà L không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ: không có nên không đề cập xử lý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Ngô Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn S, có địa chỉ nơi cư trú tại: thôn Trung T, xã Tam Q, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Vì vậy yêu cầu tại đơn khởi kiện của bà L thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Do đó, Tòa án nhân nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên Tòa vắng mặt bị đơn ông Nguyễn S, nhưng ông Nguyễn S đã có đơn xin giải quyết vắng mặt và ông S được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông S.

[2] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp: Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp phải giải quyết là: "Xin ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn".

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị L và ông Nguyễn S nguyện tìm hiểu đến với nhau thành vợ chồng cưới nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2005 tại UBND xã Tam Q, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Như vậy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Trong quá trình chung sống thì giữa bà L và ông S phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân được hai bên đương sự thừa nhận là do tính tình không hợp nhau, vợ chồng không còn tình cảm. Nay tình cảm vợ chồng đã hết nên bà L xin ly hôn với ông S. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông S đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận cho bà Ngô Thị L được ly hôn với ông Nguyễn S là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Bà L và ông S có 01 cháu Nguyễn Thị Như H, sinh ngày: 14/02/2007. Hội đồng xét xử xét thấy bà L có yêu cầu được nuôi cháu H, ông S cũng thống nhất giao cháu H cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu Hiền thuộc đối tượng là người khuyết tật nặng là trẻ em và được trợ cấp xã hội. Hơn nữa, từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, không sống chung với nhau thì bà L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H. Do vậy, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển bình thường, ổn định của cháu H, cần giao cháu H cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng là đúng với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà L không yêu cầu ông S phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ: Bà L và ông S đều khai nhận không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Ngô Thị L là hộ cận nghèo theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Bà Ngô Thị L được miễn án phí theo luật định. Hoàn trả cho bà Ngô Thị L số tiền 300.000 đồng

(ba *trăm nghìn đồng*) mà bà L đã nộp theo biên lai thu số 0004167 ngày 25/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ, khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị L về: *"Xin ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn"* đối với bị đơn ông Nguyễn S.

[1] Về quan hệ hôn nhân: bà Ngô Thị L được ly hôn với ông Nguyễn S.

[2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao 01 cháu Nguyễn Thị Như H, sinh ngày: 14/02/2007 cho bà Ngô Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi trưởng thành. Ông Nguyễn S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, một hoặc cả hai bên (bà Ngô Thị L, ông Nguyễn S) có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Ngô Thị L là hộ cận nghèo theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Bà Ngô Thị L được miễn án phí theo luật định. Hoàn trả cho bà Ngô Thị L số tiền 300.000 đồng (ba *trăm nghìn đồng*) mà bà L đã nộp theo biên lai thu số 0004167 ngày 25/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc tống đạt hợp lệ bản án, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Núi Thành;
- Chi cục THADS h.Núi Thành;
- UBND xã Tam Quang;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Bùi Đình Dũng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Núi Thành;
- Chi cục THADS h.Núi Thành;
- UBND xã Tam Quang;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Đình Dũng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Văn Xô